

**THÔNG TƯ**

**Huỷ bỏ tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông  
và công nghệ thông tin**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

**QUY ĐỊNH:**

**Điều 1.** Huỷ bỏ các tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin theo Danh mục kèm theo.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn

thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- VP Trung ương và các Ban Đảng;
- VP Quốc hội và các UB của Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án ND Tối cao; Viện Kiểm sát ND Tối cao;
- UBND và Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các doanh nghiệp TT&TT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; TTĐT Chính phủ;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Thành Hưng**

**DANH MỤC TIÊU CHUẨN NGÀNH HUỖ BỎ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35 /2011/TT-BTTTT ngày 06 tháng 12 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên Tiêu chuẩn	Mã số
1	Máy điện thoại tự động - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-134:1994
2	Tổng đài điện tử PABX - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-136:1995
3	Thiết bị vi ba số - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-137:1995
4	Máy điện thoại di động của hệ thống GSM - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-138:1995
5	Chống quá áp, quá dòng để bảo vệ đường dây và thiết bị thông tin - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-140:1995
6	Thiết bị modem tốc độ thấp trên mạng điện thoại công cộng - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-142:1995
7	Thiết bị PCM-30 và PCM-120 - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-145:1995
8	Tổng đài số dung lượng nhỏ - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-146:1995
9	Hệ thống nhắn tin - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-147:1995
10	Thiết bị CT2/CT2 PLUS - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-148:1995
11	Thiết bị thông tin - Các yêu cầu chung về môi trường khí hậu	TCN 68-149:1995
12	Tổng đài RAX-128 - Quy trình khai thác, bảo dưỡng	TCN 68-150:1995
13	Nhiều công nghiệp và nhiều vô tuyến - Quy phạm phòng chống	TCN 68-151:1995
14	Thiết bị ghép nối đầu cuối ISDN băng hẹp - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-152:1995
15	Điện thoại thấy hình tốc độ thấp - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-154:1995
16	Thiết bị điện thoại ISDN - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-155:1995
17	Thiết bị vi ba số 34 Mbit/s - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-156:1996

18	Thiết bị vi ba 140 Mbit/s -Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-158:1996
19	Phòng chống ảnh hưởng của đường dây điện lực đến cáp thông tin và các trạm thu phát vô tuyến - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-161:2006
20	Thiết bị nhân kênh số - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-165:1997
21	Thiết bị chống quá áp, quá dòng do ảnh hưởng của sét và đường dây tải điện - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-167:1997
22	Trạm mặt đất VSAT- Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-168:1997
23	Chất lượng mạng viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-170:1998
24	Hệ thống thông tin quang và vi ba SDH - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-177:1998
25	Qui phạm xây dựng công trình thông tin cáp quang	TCN 68-178:1999
26	Tổng đài điện tử số dung lượng lớn - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-179:1999
27	Giao diện đối tượng sử dụng/mạng ISDN - Giao diện cơ sở đối tượng sử dụng/mạng - Yêu cầu kỹ thuật lớp 1	TCN 68-181:1999
28	Hệ thống báo hiệu thuê bao số No.1 DSS1 - Giao diện đối tượng sử dụng/mạng ISDN - Yêu cầu kỹ thuật lớp kênh số liệu	TCN 68-182:1999
29	Hệ thống báo hiệu thuê bao số No.1 DSS1 - Giao diện đối tượng sử dụng/mạng ISDN - Yêu cầu kỹ thuật lớp 3 đối với cuộc gọi cơ bản	TCN 68-183:1999
30	Giao diện V5.1 (dựa trên 2048 kbit/s) giữa tổng đài nội hạt và mạng truy nhập - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-184:1999
31	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng ISDN sử dụng truy nhập tốc độ cơ sở - Yêu cầu kỹ thuật chung	TCN 68-189:2000
32	Thiết bị viễn thông - Yêu cầu chung về phát xạ	TCN 68-191:2003
33	Đặc tính nhiễu vô tuyến - Phương pháp đo	TCN 68-193:2000
34	Thiết bị đầu cuối viễn thông - Yêu cầu miễn nhiễm điện từ	TCN 68-196:2001
35	Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải (EPIRB) hoạt động ở tần số 121,5 hoặc 121,5 và 243 MHz - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-199:2001
36	Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải (EPIRB) hoạt động ở băng tần 1,6 GHz - Yêu cầu kỹ thuật	TCN 68-200:2001

37	Thiết bị đầu cuối số băng thoại (300 - 3400 Hz) sử dụng tổ hợp cầm tay nối với mạng số liên kết đa dịch vụ (ISDN) – Yêu cầu điện thanh	TCN 68-212:2002
38	Thiết bị đầu cuối số băng rộng (150 - 7000 Hz) sử dụng tổ hợp cầm tay nối với mạng số liên kết đa dịch vụ (ISDN) – Yêu cầu điện thanh	TCN 68-213:2002
39	Dịch vụ truy nhập Internet gián tiếp qua mạng viễn thông cố định mặt đất và dịch vụ kết nối Internet – Tiêu chuẩn chất lượng	TCN 68-218:2006
40	Máy tính cá nhân để bàn - Khối hệ thống - Phần 1: thuật ngữ và định nghĩa	16 TCN-1-02
41	Máy tính cá nhân để bàn - Khối hệ thống - Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật	16 TCN-2-02
42	Máy tính cá nhân để bàn - Khối hệ thống - Phần 3: Phương pháp đo thử nghiệm	16 TCN-3-02
43	Máy tính cá nhân để bàn - Khối hệ thống - Phần 4: Yêu cầu về an toàn bức xạ - an toàn điện - độ ồn âm thanh và phương pháp thử	16 TCN-4-02
44	Máy tính cá nhân để bàn - Khối hệ thống - Phần 5: Yêu cầu về ghi nhãn, bao bì	16 TCN-5-02
45	Máy tính cá nhân để bàn – Màn hình loại CRT - Phần 1: Các đặc tính kỹ thuật - thuật ngữ và định nghĩa	16 TCN-6-02
46	Máy tính cá nhân để bàn – Màn hình loại CRT - Phần 2: Các đặc tính kỹ thuật – phương pháp đo và thử	16 TCN-7-02
47	Máy tính cá nhân để bàn – Màn hình loại CRT - Phần 3: Yêu cầu về an toàn và phương pháp thử	16 TCN-8-02
48	Máy tính cá nhân để bàn – Màn hình loại CRT - Phần 4: Yêu cầu về ghi nhãn, bao bì	16 TCN-9-02
49	Máy tính cá nhân để bàn - Chuột máy tính: Yêu cầu kỹ thuật và an toàn – Phương pháp thử	16 TCN-10-02
50	Máy tính cá nhân để bàn – Bàn phím	16 TCN-11-02
51	Máy tính cá nhân để bàn - Thử tác động của nhiệt độ	16 TCN-12-02
52	Máy tính cá nhân để bàn - Thử tác động của độ ẩm	16 TCN-13-02
53	Máy tính cá nhân để bàn - Thử tác động của độ rung	16 TCN-14-02
54		16 TCN 517-91
55	Linh kiện cơ điện tử	16 TCN 518-91
56		16 TCN 520-91

57		16 TCN 565-92	
58		16 TCN 566-92	
59		16 TCN 558-92	
60		16 TCN 567-92	
61		16 TCN 569-92	
62		16 TCN 570-92	
63		16 TCN 964-95	
64		16 TCN 965-95	
65		16 TCN 966-95	
66		16 TCN 967-95	
67		16 TCN 968-95	
68		16 TCN 969-95	
69		16 TCN 970-95	
70		Sản phẩm kỹ thuật điện tử	16 TCN 622-95
71			16 TCN 623-95
72			16 TCN 624-95
73			16 TCN 626-95
74			16 TCN 573-95
75			16 TCN 574-95
76			16 TCN 575-95
77		16 TCN 576-95	
78	Hệ thống ghi âm và sao chép băng từ	16 TCN 810-98	
79	Thiết bị hệ thống âm thanh	16 TCN 840-99	
80		16 TCN 841-99	
81	Lỗi cuộn cảm và biến áp cho viễn thông	16 TCN 842-99	

10



82		16 TCN 843-99
83		16 TCN 868-99
84		16 TCN 869-99
85		16 TCN 870-99
86		16 TCN 871-99
87		16 TCN 872-99
88		16 TCN 873-99
89		16 TCN 874-99
90		16 TCN 875-99
91		16 TCN 876-99
92		16 TCN 877-99
93	Thiết bị hệ thống âm thanh	16 TCN 01-99
94		16 TCN 02-99
95		16 TCN 03-99
96		16 TCN 04-99
97	Anten máy thu hình	16 TCN 558-92
98	Ăng ten thu tín hiệu phát thanh và truyền hình	16 TCN 836-99
99		16 TCN 837-99
100		16 TCN 838-99
101		16 TCN 839-99

10